

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 128.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 03 năm 2017 từ trang 5 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.763.959.422	12.722.099.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.314.025	102.425.834
1. Tiền	111		23.314.025	102.425.834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V2	11.128.905.932	12.024.758.033
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.444.822.831	13.135.250.778
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.315.916.899)	(1.110.492.745)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199.802.963	178.418.845
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	41.011.850	40.329.223
2. Các khoản phải thu khác	135	V.4	14.342.410.943	138.089.622
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.183.619.830)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		411.936.502	416.496.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		95.313.920	98.938.481
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.530.000	2.465.408
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.238.429	153.256.097
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	(14.183.619.830)
1. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(14.183.619.830)
II. Tài sản cố định	220		7.008.831	21.026.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	7.008.831	21.026.499
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.672.369)	(57.654.701)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		132.229.598	14.315.849.428
1. Tài sản dài hạn khác	268		132.229.598	14.315.849.428
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.903.197.851	12.875.355.280


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.095.855	201.298.631
I. Nợ ngắn hạn	310		170.836.236	170.039.012
1. Phải trả người bán	312		-	235.556
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	16.223.942	24.631.147
3. Chi phí phải trả	316	V.9	21.219.998	26.628.838
4. Các khoản phải trả khác	319		25.226.811	27.865.585
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		97.971.191	80.483.592
II. Nợ dài hạn	330		31.259.619	31.259.619
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	V.10	31.259.619	31.259.619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.701.101.996	12.674.056.649
I. Vốn chủ sở hữu	410		11.701.101.996	12.674.056.649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.298.898.004)	(12.325.943.351)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.903.197.851	12.875.355.280


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		1.503.840.000	601.040.000
- Chứng khoán giao dịch	007		1.503.840.000	601.040.000
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		14.000.351.770	11.272.369.660
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		57.667.056	10.366.936
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		13.942.684.714	11.262.002.724
3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	10.256.675.753	13.939.374.442
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		4.682.938.709	3.132.190.036
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		5.573.737.044	10.807.184.406
4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	118.597.191	251.838.592
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	40.857.334	40.893.667


 Nguyễn Thế Hưng
 Người lập

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017


 Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


MẪU B02 - CTQ
Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu	01		229.009.136	148.097.609
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.1	229.009.136	148.097.609
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn	11	VI.2	975.020.520	1.081.521.998
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(746.011.384)	(933.424.389)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	752.702.236	690.984.543
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	284.264.599	337.008.915
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		695.380.907	1.101.710.104
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(972.954.654)	(1.681.158.865)
9. Thu nhập khác	31		-	68.421
10. Lợi nhuận khác	40		-	68.421
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(972.954.654)	(1.681.090.444)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(972.954.654)	(1.681.090.444)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(389)	(672)


Nguyễn Thế Hưng
Người lập

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B03 - CTQ
 Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	251.227.403	134.283.688
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(625.528.536)	(359.059.513)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(852.099.994)	(1.190.840.923)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.000.925.940	3.179.097.401
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.725.417.064)	(4.610.331.715)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(2.950.892.251)	(2.846.851.062)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(16.954.911.591)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.609.381.921	7.290.933.677
3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	262.398.521	741.028.946
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	2.871.780.442	(8.922.948.968)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(79.111.809)	(11.769.800.030)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.425.834	11.872.225.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.314.025	102.425.834


 Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017


 Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc





BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B05 - CTQ
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2015	01/01/2016	2015		2016		31/12/2015	31/12/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(10.644.852.907)	(12.325.943.351)	-	1.681.090.444	-	972.954.654	(12.325.943.351)	(13.298.898.004)
Cộng		14.355.147.093	12.674.056.649	-	1.681.090.444	-	972.954.654	12.674.056.649	11.701.101.996


Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 01 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 6 người

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng Chuẩn mực

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị dụng cụ quản lý

03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.421.138	14.479.741
Tiền gửi ngân hàng	20.892.887	87.946.093
Cộng	23.314.025	102.425.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn		4.873.650.896		7.174.614.095
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	7.571.171.935	-	5.960.636.683
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
FLC	21.600	199.038.560	21.600	170.640.000
HPG	-	-	15.000	438.000.000
IDJ	-	-	139.200	320.160.000
PAC	-	-	2	66.600
SHI	3	42.615	2	23.400
TTF	4	110.876	-	-
NCT	3.690	421.501.320	-	-
QHD	4.600	281.161.200	-	-
GDT	10.450	594.937.500	-	-
CVT	12.800	502.178.088	-	-
Saraecom	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.315.916.899)		(1.110.492.745)
Cộng		11.128.905.932		12.024.758.033

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	41.011.850	40.329.223
Cộng	41.011.850	40.329.223

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.183.619.830	138.089.622
Phải thu ngắn hạn khác	158.791.113	-
Cộng	14.342.410.943	138.089.622

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
Cộng	315.092.582	315.092.582

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2016	78.681.200	78.681.200
Tại 31/12/2016	<u>78.681.200</u>	<u>78.681.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2016	57.654.701	57.654.701
Khấu hao trong năm	14.017.668	14.017.668
Tại 31/12/2016	<u>71.672.369</u>	<u>71.672.369</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	21.026.499	21.026.499
Tại 31/12/2016	<u>7.008.831</u>	<u>7.008.831</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tạm ứng	780.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	750.000	2.465.408
Cộng	<u>1.530.000</u>	<u>2.465.408</u>

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	16.223.942	23.910.737
Các loại thuế khác	-	720.410
Cộng	<u>16.223.942</u>	<u>24.631.147</u>

9. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phí kiểm toán	19.999.998	25.000.006
Khác	1.220.000	1.628.832
Cộng	<u>21.219.998</u>	<u>26.628.838</u>

10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	31/12/2016 VND	01/01/2015 VND
Số dư đầu năm	31.259.619	28.498.997
Số trích lập trong năm	-	2.760.622
Số dư cuối năm	<u>31.259.619</u>	<u>31.259.619</u>

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	4.682.938.709	3.132.190.036
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
<i>IDJ</i>	2.165.487.490	2.165.487.490
<i>HPG</i>	53.322.239	-
<i>QHD</i>	174.614.820	-
<i>TA9</i>	8.625.379	-
<i>VCS</i>	70.665.251	-
<i>VNM</i>	97.635.503	-
Cổ phiếu không niêm yết	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Cổ phiếu niêm yết	5.523.737.044	10.757.184.406
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
<i>ABT</i>	-	340.448.248
<i>CTG</i>	161.370.900	-
<i>CSM</i>	26.973.888	59.932.400
<i>DPM</i>	-	1.413.474.920
<i>DXP</i>	-	-
<i>FLC</i>	69.683.520	441.328.960
<i>GAS</i>	-	1.307.470.180
<i>HAG</i>	-	783.939.600
<i>HPG</i>	-	276.000.000
<i>MCP</i>	-	73.000
<i>PVD</i>	451.450.178	1.100.871.384
<i>PTB</i>	-	450.164.921
<i>SSI</i>	495.497.600	495.497.600
<i>SDT</i>	18.822.560	264.782.560
<i>NCT</i>	309.215.841	-
<i>TA9</i>	166.732.800	-
<i>VNM</i>	93.247.093	-
<i>QHD</i>	178.556.400	-
<i>HSG</i>	-	325.650.000
Cổ phiếu không niêm yết	50.000.000	50.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	5.573.737.044	10.807.184.406
Tổng cộng	10.256.675.753	13.939.374.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về giao dịch chứng khoán	-	50.022.000
Phải thu phí quản lý	97.971.191	80.483.592
Phải thu cổ tức	20.620.000	121.333.000
Cộng	118.591.191	251.838.592

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả thuế	10.069.426	9.541.315
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Phải trả phí lưu ký	-	564.444
Cộng	40.857.334	40.893.667

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý	100.077.830	148.097.609
Doanh thu từ phí thưởng	128.931.306	-
Cộng	229.009.136	148.097.609

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	975.020.520	1.081.521.998
Cộng	975.020.520	1.081.521.998

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	335.860.261	656.196.943
Lãi đầu tư tài chính	158.599.739	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	258.242.236	34.787.600
Cộng	752.702.236	690.984.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	76.381.787	226.632.356
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	205.424.154	110.376.559
Chi phí tài chính khác	2.458.658	-
Cộng	284.264.599	337.008.915

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(972.954.654)	(1.681.090.444)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(972.954.654)	(1.681.090.444)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(389)	(672)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, trong kỳ chỉ phát sinh doanh thu bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	23.314.025	102.425.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.791.113	135.669.622
Đầu tư ngắn hạn	11.128.905.932	12.024.758.033
Cộng	11.311.011.070	12.262.853.489
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	25.226.811	28.101.141
Chi phí phải trả	21.219.998	26.628.838
Cộng	46.446.809	54.729.979

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Chi phí phải trả	21.219.998	-	21.219.998
Phải trả người bán và phải trả khác	25.226.811	-	25.226.811
Cộng	46.446.809	-	46.446.809
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Chi phí phải trả	26.628.838	-	26.628.838
Phải trả người bán và phải trả khác	28.101.141	-	28.101.141
Cộng	54.729.979	-	54.729.979

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.314.025	-	23.314.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(14.024.828.717)	-	(14.024.828.717)
Đầu tư tài chính	11.128.905.932	-	11.128.905.932
Cộng	(2.872.608.760)	-	(2.872.608.760)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.425.834	-	102.425.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.669.622	-	135.669.622
Đầu tư tài chính	12.024.758.033	-	12.024.758.033
Cộng	12.262.853.489	-	12.262.853.489

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong năm 2016 như sau:


Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	107.262.564	300.000.000
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	105.600.000	105.600.000

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.


Nguyễn Thế Hưng
Người lập

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

